

CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Câu 1: Tiền đề nào là nguồn gốc lý luận trực tiếp của CNXHKKH:

- Triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị cổ điển Anh, CNXH không tưởng.

Câu 2: Tác phẩm nào đánh giá sự ra đời của CNXHKKH:

- Tuyên ngôn đảng cộng sản

Câu 3: 3 Phát minh là tiền đề cho cơ sở phương pháp lý luận của CNXHKKH:

- Thuyết tế bào, thuyết tiến hoá, định luật an toàn và chuyển hoá năng lượng

Câu 4: Nội dung cơ bản nhất mà nhờ đó chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành khoa học

- A. Lên án mạnh mẽ chủ nghĩa tư bản
- B. Phản ánh đúng khát vọng của nhân dân lao động bị áp bức

C. Phát hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- D. Chỉ ra sự cần thiết phải thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội

Câu 5: Phạm trù trung tâm của chủ nghĩa xã hội khoa học là?

- A. Phạm trù đấu tranh giai cấp

B. Phạm trù sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- C. Phạm trù cách mạng xã hội chủ nghĩa
- D. Phạm trù sứ mệnh lịch sử của giai cấp nông dân

Câu 6: Tác phẩm nào đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học?

- A. **Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản**

- B. Tập I bộ Tư bản
- C. Chống Duyrinh
- D. Nhà nước và cách mạng

Câu 7: Tiền đề nào KHÔNG là nguồn gốc lý luận trực tiếp của chủ nghĩa xã hội khoa học

- A. Triết học cổ điển Đức
- B. Kinh tế chính trị học cổ điển Anh
- C. Chủ nghĩa xã hội không tưởng- phê phán đầu thế kỷ XIX

D. Chủ nghĩa xã hội không tưởng trước Mác

CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

• TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Xét về phương diện kinh tế - xã hội, giai cấp công nhân là những người?

- a, Trực tiếp vận hành những công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp.
- b, Gián tiếp vận hành những công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp
- c, *Trực tiếp hay gián tiếp vận hành những công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp***
- d, Trực tiếp hoặc gián tiếp vận hành những công cụ trong nền sản xuất giản đơn

Câu 2: Đặc điểm nổi bật của giai cấp công nhân là?

- a, Là đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất tiên tiến, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội hiện đại.
- b, *Lao động bằng phương thức công nghiệp với đặc trưng công cụ lao động là máy móc, tạo ra năng suất lao động cao, quá trình lao động mang tính chất xã hội hóa.***
- c, Tính tổ chức, kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác và tâm lý lao động công nghiệp. GCCN là một giai cấp cách mạng và có tinh thần cách mạng triệt để.
- d, Lực lượng chiếm số đông trong xã hội, và gắn bó lâu đời với cội nguồn của dân tộc nên có nhiều công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Câu 3: Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là gì?

- a, Tổ chức chính trị vững mạnh của giai cấp công nhân và sự đồng tình của nhân dân lao động.
- b, *Địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân và đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân.***
- c, Tinh thần cách mạng triệt để của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.
- d, Tinh thần đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Câu 3: Nhân tố chủ quan nào có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

- a, . Vai trò của giai cấp tư sản.
- b, *Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.***
- c, Vai trò của giai cấp công nhân.
- d, Vai trò của tầng lớp trí thức.

Câu 4: Điểm tương đồng của giai cấp công nhân hiện nay so với thế kỉ XIX?

- a, Tham gia vào sở hữu
- b, Biểu hiện mới về xã hội hóa lao động
- c, *Vẫn bị giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản bóc lột giá trị thặng dư***
- d, Xu hướng trí tuệ hóa giai cấp công nhân

Câu 5: 2 mặt của cùng một quá trình, của xu hướng trí tuệ hóa đối với công nhân và giai cấp công nhân là?

- a, Trí tuệ hóa và trí thức hóa
- b, Trí thức hóa và trí thức
- c, Trí thức và trí thức hóa

d, Trí thức hóa và trí thức hóa

Câu 6: Điểm không tương đồng của giai cấp công nhân hiện nay so với thế kỷ XIX là?

- a, **Biểu hiện mới về xã hội hóa lao động**
- b, Vẫn là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội điện đại
- c, Đi đầu đấu tranh chống CNTB
- d, Vẫn bị giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản bóc lột giá trị thặng dư

Câu 7: Những biến đổi khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại so với TK XIX là?

- a, Vẫn bị giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản bóc lột giá trị thặng dư
- b, Xu hướng trí tuệ hóa
- c, Biểu hiện mới về xã hội hóa lao động

d, Cả B và C

Câu 8: Chọn câu đúng nhất: Những biến đổi khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại so với TK XIX là?

- I. Xu hướng trí tuệ hóa
 - II. Tham gia vào sở hữu(trung lưu hóa)
 - III.Đi đầu đấu tranh chống tư bản chủ nghĩa
 - IV.Vẫn là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại
 - V. Ở một số nước XHCN, GCCN đã trở thành giai cấp lãnh đạo thông qua đội tiền phong là ĐCS
- a, I, II, III
 - b, II, III
 - c, I, II, V**
 - d, I, II, IV, V

Câu 9: Trên thực tế, những khái niệm mới để chỉ công nhân theo xu hướng ‘trí tuệ hóa’ là?

- a, Công nhân trí thức, công nhân trí thức
- b, Công nhân trí thức, công nhân áo trắng
- c, Công nhân trí thức, công nhân trí thức, công nhân áo trắng**
- d, Công nhân trí thức, công nhân áo trắng

Câu 10: Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân ngày nay được thực hiện trên lĩnh vực nào sau đây?

- a, Kinh tế; Chính trị - xã hội; Tư tưởng - Văn học.
- b, Kinh tế; Chính trị - xã hội; Văn hóa – tư tưởng.**
- c, Lĩnh vực kinh tế - văn hóa – xã hội.
- d, Kinh tế - Chính trị - Tư tưởng xã hội.

Câu 11: GCCN ra đời từ quá trình “khai thác thuộc địa” của?

- a. Thực dân Pháp**
- b. Thực dân Anh
- c. Đế quốc Mỹ
- d. Tất cả các đáp án trên đều sai

Câu 12: Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?

- a. Tăng chậm về số lượng và chất lượng, là giai cấp đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường.
- b. Đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế nhưng đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo.**
- c. Công nhân trí thức, nắm vững khoa học – công nghệ tiên tiến, và công nhân trẻ được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp, là lực lượng nhỏ trong cơ cấu giai cấp công nhân, trong lao động và phong trào công đoàn.
- d. Đáp án b và c.

Câu 13. Những phẩm chất chính trị - xã hội của giai cấp công nhân đó là:

- A: Là giai cấp tiên phong cách mạng.
- B: Có tính tổ chức, kỷ luật lao động cao và có tinh thần cách mạng triệt để
- C: Có tinh thần hợp tác và tâm lý lao động công nghiệp.

D: Tất cả các phương án trên.

Câu 14. Điểm giống nhau của giai cấp công nhân hiện đại so với công nhân thế kỷ XIX đó là:

A: Vẫn đang là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại.

B: Vẫn bị giai cấp tư sản và CNTB hiện đại ngày nay bóc lột giá trị thặng dư.

C: Vẫn luôn là lực lượng đi đầu trong các cuộc đấu tranh.

D: Cả a,b,c

Câu 15. Điểm khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại so với công nhân thế kỷ XIX đó là:

A: Công nhân hiện đại có xu hướng trí tuệ hóa.

B: GCCN có sự thay đổi lớn về cơ cấu trong nền sản xuất hiện đại.

C: Tham gia vào sở hữu (trung lưu hóa).

D: Cả a,b và c.

Câu 16: Nhân tố chủ quan nào có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

A. Vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản

B. Vai trò lãnh đạo của giai cấp nông nhân

C. Vai trò của giai cấp tư sản

D. Vai trò của tầng lớp trí thức

Câu 17. Phạm trù trung tâm của CNXHKKH là gì?

A. Giai cấp công nhân

B. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

C. Chuyên chính vô sản

D. Dân chủ xã hội chủ

Câu 18. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là gì?

A. Ủng hộ nhân dân lao động xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội

B. Ủng hộ giai cấp tư sản, xóa bỏ chế độ phong kiến, xây dựng chế độ tư bản chủ nghĩa

C. Lãnh đạo nhân dân lao động xóa bỏ chế độ chiếm hữu nô lệ, xây dựng chế độ phong kiến

D. Lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân lao động xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ mọi chế độ áp bức bóc lột và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản

Câu 19. Vì sao giai cấp công nhân có khả năng đoàn kết với các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội

A. Vì GCCN có lợi ích cơ bản thống nhất với lợi ích của các giai cấp, tầng lớp lao động khác trong xã hội

B. Vì GCCN là giai cấp lãnh đạo các giai cấp, tầng lớp lao động khác trong xã hội

C. Vì GCCN có số lượng đông đảo nhất trong xã hội, nên sức hút của giai cấp công nhân là lớn nhất

D. Vì GCCN có nhiều tổ chức chính trị và đoàn thể xã hội để vận động các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội

Câu 20. Nhân tố chủ quan nào có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

A. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản

B. Vai trò của giai cấp công nhân

C. Vai trò của giai cấp tư sản

D. Vai trò của tầng lớp trí thức

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

• TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Đầu là kiểu quá độ trực tiếp lên CNXH

a, CNTB lên CNCS

b, Bỏ qua giai đoạn TBCN

- c, Bỏ qua giai đoạn chiếm hữu nô lệ
- d, Bỏ qua giai đoạn phong kiến

Câu 2: Có mấy kiểu quá độ lên CNXH:

- a, 1
- b, 2**
- c, 3
- d, 4

Câu 3: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê Nin :Từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội tất yếu phải trải qua thời kỳ nào?

- a, Quá độ văn hóa-xã hội
- b, Quá độ chính trị**
- c, Quá độ kinh tế
- d, Quá độ kinh tế và chính trị

Câu 4: Theo Lê Nin thời kỳ quá độ được ví như thế nào?

- a, Thời kỳ quá độ là “những cơn đau đẻ kéo dài”**
- b, Thời kỳ quá độ là “ chặng đường đầy gian nan”
- c, Thời kỳ quá độ là “ chiếc răng sâu khó nhổ”
- d, Thời kỳ quá độ là “ Thời kỳ đen tối” trong các hình thái kt xã hội

Câu 5: Việt Nam quá độ lên CNXH là theo hình thức nào?

- a, Trực tiếp
- b, Trung gian
- c, Gián Tiếp**
- d, Cả A và C đúng

Câu 6: Nội dung chủ yếu và mục đích cuối cùng của nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa là gì?

- a, Cải tạo xã hội cũ, xây dựng thành công xã hội mới**
- b, Đảm bảo quyền bình đẳng nhân dân
- c, Loại bỏ lạm phát
- d, Thúc đẩy phát triển kinh tế vượt bậc xã hội cũ

Câu 7: Thời kỳ quá độ lên CNXH là tất yếu đối với các nước nào?

- a, Các nước TBCN
- b, 1 số nước nghèo xây dựng CNXH
- c, Tất cả các nước xây dựng CNXH**
- d, 1 số nước có tiềm năng kinh tế xây dựng CNXH

Câu 8: Trong các trụ cột phát triển thuộc nhiệm vụ trọng tâm của TKQĐ.Hãy chỉ ra đâu là “ Then chốt”?

- a, Phát triển KT-XH
- b, Xây dựng Đảng**
- c, Phát triển văn hóa, con người
- d, Củng cố quốc phòng, an ninh

Câu 9: Trong các khâu đột phá thuộc nhiệm vụ trọng tâm của TKQĐ.Cần phát triển nguồn nhân lực như thế nào?

- a) Phát triển nguồn nhân lực nhanh chóng
- b) Phát triển nguồn nhân lực vừa đủ
- c) Phát triển nguồn nhân lực chậm rãi
- d) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**

Câu 10: Quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là bỏ qua yếu tố nào?

- a) Bỏ qua việc xác lập thống thị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư tưởng TBCN**
- b) Bỏ qua việc tiếp thu và kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN
- c) Bỏ qua những thành tựu kinh nghiệm bất thành trong quá khứ
- d) Bỏ qua việc thành lập một hệ thống quản lý kinh tế đúng đắn

Câu 11: Đây là kiểu quá độ gián tiếp lên CNXH:

- a) CNTB lên CNCS
- b) Từ những nước tiền tư bản hoặc chưa qua CNTB phát triển**

- c) CNPK lên CNCS
- d) CN chiếm hữu nô lệ lên CNCS

Câu 12: Những đặc trưng của CNXH ở Việt Nam?

- A. Cơ sở v/ chất của CNXH phải được tạo ra bởi một nền sản xuất tiên tiến hiện đại.
- B. Dân giàu, Nước mạnh, Dân chủ, Công bằng, Văn minh.**
- C. CNXH thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động.
- D. Cả A&B đều đúng.

Câu 13: Hai hình thức quá độ từ CNTB lên CNCS là gì?

- A. Quá độ cơ bản và quá độ không cơ bản
- B. Quá độ khách quan và quá độ chủ quan**
- C. Quá độ trực tiếp và quá độ gián tiếp
- D. Quá độ nhanh chóng và quá độ lâu dài

Câu 14: Cấu trúc của hình thái Kinh tế - Xã hội bao gồm các yếu tố nào?

- A. Kiến trúc thượng tầng; Quan hệ sản xuất; Lực lượng sản xuất;**
- B. Kiến trúc thượng tầng; Lực lượng sản xuất;
- C. Quan hệ sản xuất; Lực lượng sản xuất;
- D. Cả A, B & C

Câu 15: Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trên phạm vi cả nước bắt đầu từ khi nào?

- A. Từ 1945 ở miền Bắc và từ năm 1965
- B. Từ 1945 ở miền Nam và từ năm 1965
- C. Từ 1954 ở miền Bắc và từ năm 1975**
- D. Từ 1954 ở miền Nam và từ năm 1975

Câu 16: Chủ nghĩa xã hội là gì?

- a. Là một phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống áp bức, bóc lột, chống các giai cấp thống trị
- b. Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bóc lột, bóc lột
- c. Là một khoa học – khoa học về SMLS của GCCN. Là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế xã hội CSCN
- d. Cả 3 đáp án trên**

Câu 17: Đặc trưng về mặt kinh tế của chủ nghĩa xã hội là gì?

- a. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về TLSX**
- b. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ tư hữu về TLSX chủ yếu
- c. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại
- d. Cả b và c

Câu 18: Nhà nước nào sau đây là nhà nước không còn nguyên nghĩa?

- a. Nhà nước chủ nô
- b. Nhà nước tư sản
- c. Nhà nước xã hội chủ nghĩa**
- d. Nhà nước phong kiến

Câu 19: Đặc trưng bản chất của CNXH là:

- a. Cơ sở vật chất của CNXH phải được tạo ra bởi một nền sản xuất tiên tiến, hiện đại
- b. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất**
- c. Nhà nước dưới CNXH là nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, nhưng cũng đồng thời mang tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc
- d. CNXH tạo ra cách thức tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới với năng suất cao

Câu 20: Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội

- a. Lực lượng sản xuất mâu thuẫn với QHSX trong lòng CNTB
- b. Giai cấp công nhân mâu thuẫn với giai cấp tư sản
- c. Cả a và b đều đúng**
- d. Cả a và b đều sai

Câu 21: Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa bắt đầu và kết thúc khi nào?

- a. Từ khi đảng cộng sản ra đời và xây dựng xong chủ nghĩa xã hội
- b. Bắt đầu thời kỳ quá độ cho đến khi xây dựng xong giai đoạn cao của xã hội cộng sản**
- c. Bắt đầu từ giai đoạn cao của xã hội cộng sản và kết thúc ở giai đoạn cao của xã hội cộng sản

d. Cả ba đều sai

Câu 22: Phân kỳ hình thái KT-XH. CSCN có mấy giai đoạn

- a. 1 giai đoạn
- b. 2 giai đoạn**
- c. 3 giai đoạn
- d. 4 giai đoạn

Câu 23: Giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa là gì?

- a. Thời kỳ quá độ
- b. Chủ nghĩa xã hội**
- c. Chủ nghĩa cộng sản
- d. Cả a, b và c

Câu 24: Có mấy hình thức quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

- a. 1
- b. 2**
- c. 3
- d. 4

Câu 25: Câu “Cần phải có thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội” là của ai?

- a. Lênin**
- b. C.Mác
- c. Ăngghen
- d. C.Mác và Ăngghen

CHƯƠNG 4: DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

• TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Chế độ dân chủ đầu tiên ra đời gắn với hình thái kinh tế - xã hội nào?

- a, Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản nguyên thủy.
- b, Hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ.**
- c, Hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa.
- d, Hình thái kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa.

Câu 2: Từ demos trong thuật ngữ “demoskratos” của các nhà tư tưởng Hy Lạp có nghĩa là gì?

- a, Nhà nước.
- b, Sở hữu.
- c, Cai trị.
- d, Nhân dân.**

Câu 3: Các nhà tư tưởng Hy Lạp cổ đại đã dùng thuật ngữ “demoskratos” để nói về dân chủ, trong đó kratos là gì?

- a, Nhân dân
- b, Quyền lực**
- c, Đấu tranh
- d, Đàn áp

Câu 4: Thuật ngữ “demoskratos” của các nhà tư tưởng Hy Lạp có nghĩa là gì ?

- a, Dân chủ
- b, Quân chủ
- c, Nhân dân

d, Quyền lực

Câu 5: Trong các hình thái kinh tế - xã hội, hình thái nào có dân chủ?

- A. Hình thái kinh tế - xã hội thời kỳ đầu đầu cộng sản chủ nghĩa, hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ, hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản nguyên thủy.
- B. Hình thái kinh tế - xã hội thời kỳ đầu đầu cộng sản chủ nghĩa, hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ, hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản nguyên thủy
- C. Hình thái kinh tế - xã hội thời kỳ đầu đầu cộng sản chủ nghĩa, hình thái kinh tế - xã hội nguyên thủy, hình thái kinh tế - xã hội Tư bản chủ nghĩa.
- D. Hình thái kinh tế - xã hội thời kỳ đầu của cộng sản chủ nghĩa, hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ, hình thái kinh tế - xã hội Tư bản chủ nghĩa.**

Câu 6: Thuật ngữ “Dân chủ” ra đời, xuất hiện vào thời gian và thời kỳ nào ?

- A. TK VI - V TCN vào thời kỳ chiếm hữu nô lệ.
- B. TK VII - VI TCN vào thời kỳ Cộng sản nguyên thủy.
- C. TK VII - VI TCN vào thời kỳ chiếm hữu nô lệ.**
- D. TK VI - V TCN vào thời kỳ Cộng sản nguyên thủy.

Câu 7: Sự ra đời của dân chủ XHCN có mấy giai đoạn?

- A.1
- B.2**
- C.3
- D.4

Câu 8: Dân chủ XHCN ra đời khi nào?

- A.Sau thắng lợi cách mạng tháng Mười Nga (1915)
- B.Sau thắng lợi cách mạng tháng Mười Nga(1916)
- C.Sau thắng lợi cách mạng tháng Mười Nga(1917)**
- D.Sau thắng lợi cách mạng tháng Mười Nga(1919)

Câu 9: Đây là quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ?

- A.Dân là chủ, dân làm chủ**
- B.Dân chủ là sự thống trị của đa số
- C.Dân chủ là hình thức tổ chức nhà nước của giai cấp thống trị
- D.Dân chủ là một hình thái tổ chức nhà nước, ở đó quyền cơ bản của con người

Câu 10: Trong các quan điểm về dân chủ dưới đây, quan điểm nào là của Lê nin ?

- A. “nghèo trong một nước dân chủ còn hơn là giàu có trong một nước độc tài, vì tự do tốt hơn nô lệ”
- B. “Dân chủ sự thống trị của đa số”**
- C. “Dân là chủ, dân làm chủ”
- D.” Ý tưởng thuần khiết của dân chủ theo định nghĩa của nó là chính quyền của toàn thể nhân dân do toàn thể nhân dân đều được đại diện bình đẳng”

Câu 11: Nhận định “Dân chủ là một hình thức hay hình thái nhà nước“ thuộc về phương diện và lĩnh vực nào ?

- A. Chế độ xã hội và chính trị**
- B. Tư tưởng và văn hóa xã hội
- C. Chính trị và kinh tế
- D. Kinh tế và văn hóa xã hội

Câu 12: Bản chất của của nền dân chủ XHCN được thể hiện qua khía cạnh nào?

- A. Kinh tế
- B. Tư tưởng - Văn hóa xã hội
- C. Chính trị
- D. Tất cả các đáp án trên**

Câu 13: Trên phương diện tổ chức và quản lí xã hội, dân chủ là gì ?

- A. 1 Nguyên tắc**
- B. 1 Hình thái
- C. 1 Hình thức
- D. 1 Chân lý

Câu 14: Theo Lênin : Con đường biện chứng của quá trình phát triển dân chủ là “ Từ ... đến dân chủ tư sản, từ dân chủ tư sản đến dân chủ vô sản; từ dân chủ vô sản đến ... ”

A. Chuyên chế - không còn dân chủ nữa

B. Tư sản - không còn dân chủ nữa

C. Cộng sản - dân chủ cộng sản

D. Chủ nô - dân chủ tiến bộ

Câu 15: Chế độ dân chủ gắn với nhà nước mang bản chất của giai cấp nào?

A. Giai cấp công nhân

B. Giai cấp tư sản

C. Giai cấp bị trị

D. Giai cấp thống trị

Câu 16: Lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng chủ đạo đối với mọi loại hình thái ý thức XHCN là thuộc về bản chất nào của nền dân chủ XHCN?

A. Tư tưởng - văn hóa xã hội

B. Chính trị

C. Kinh tế

D. Pháp luật

Câu 17: Sự ra đời của nhà nước XHCN là kết quả của cuộc cách mạng do giai cấp nào tiến hành?

A. Vô sản và tư sản.

B. Tư sản và tiểu tư sản trí thức

C. Vô sản và nhân dân lao động

D. Vô sản, tiểu tư sản và tư sản

Câu 18: Công cụ quan trọng để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình là gì?

A. Công an

B. Quốc hội

C. Nhà nước

D. Tòa án

Câu 19: Cuộc cách mạng đánh dấu sự ra đời nhà nước XHCN do ai lãnh đạo?

A. Giai cấp vô sản

B. Tiểu tư sản trí thức

C. Đảng Cộng Sản

Câu 20: Bản chất kinh tế của nền dân chủ XHCN dựa trên cơ sở nào?

A. Chế độ chính trị của giai cấp công nhân

B. Cơ chế quản lý kinh tế XHCN

C. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu

D. Bản chất chính trị XHCN

CHƯƠNG 5: CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH

Câu 1: Cơ cấu xã hội – giai cấp là gì?

- a. Là tổng thể các tổ chức chính trị - xã hội trong một chế độ xã hội nhất định, cùng với mối quan hệ giữa chúng
- b. Là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan
- c. Là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan và mối quan hệ giữa chúng về sở hữu, về quản lý, về địa vị chính trị - xã hội... trong một hệ thống sản xuất nhất định**
- d. Là một tập đoàn tầng lớp – giai cấp tồn tại khách quan và mối quan hệ giữa chúng về sở hữu, về quản lý, về địa vị chính trị - xã hội... trong một hệ thống sản xuất nhất định

Câu 2: Trong xã hội có giai cấp, cơ cấu nào có vị trí quyết định nhất, chi phối các loại hình cơ cấu xã hội khác?

- a. Cơ cấu xã hội – giai cấp**
- b. Cơ cấu xã hội – tầng lớp
- c. Cơ cấu giai cấp – dân tộc
- d. Cơ cấu xã hội – kinh tế

Câu 3: Điền các cụm từ còn thiếu vào chỗ trống:

Sự biến đổi của cơ cấu xã hội – giai cấp tất yếu sẽ ảnh hưởng đến ... của các cơ cấu xã hội khác và tác động đến sự biến đổi của.....

- a. Sự biến đổi – toàn bộ cơ cấu xã hội**
- b. Sự phát triển – toàn bộ cơ cấu xã hội
- c. Sự phát triển – cơ cấu kinh tế
- d. Sự biến đổi và phát triển – toàn bộ cơ cấu xã hội

Câu 4: Vì sao trong cơ cấu giai cấp – xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau?

- a. Do sự khác nhau về tư tưởng chính trị
- b. Do sự tồn tại kết cấu kinh tế nhiều thành phần**
- c. Do sự đa dạng về văn hóa truyền thống
- d. Tất cả các lý do trên

Câu 5: Liên minh giai cấp công - nông - trí thức có nội dung toàn diện trên lĩnh vực nào của đời sống xã hội:

- A, Chính trị
- B, Kinh tế
- C, Văn hóa- Xã Hội
- D, Cả 3 đáp án trên đều đúng**

Câu 6: Tính tất yếu khách quan của Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội gồm:

- A, Từ đòi hỏi khách quan của sự nghiệp cải tạo và xây dựng CNXH.
- B, Từ vị trí vai trò của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- C, Từ yêu cầu đặc điểm kinh tế, chính trị, xh của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- D, cả 3 đáp án trên đều đúng**

Câu 7: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng xã hội chủ nghĩa là do:

- A. Ý muốn chủ quan của giai cấp công nhân
- B. Ý muốn chủ quan của giai cấp nông dân
- C. Tất yếu khách quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa**
- D. Cả A, B, C

Câu 8: "Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản là duy trì khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân để giai cấp vô sản có thể giữ được vai trò lãnh đạo và chính quyền nhà nước" là quan điểm của ai?

- A. V.I Lê-nin**
- B. C. Mác
- C. Ph. Angghen
- D. Chủ tịch Hồ Chí Minh

CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

• **TRẮC NGHIỆM:**

Câu 1: Trong những nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào quyết định đến sự biến đổi của cộng đồng dân tộc?

- A. *Sự biến đổi phương thức sản xuất*
- B. Sự biến đổi lực lượng sản xuất
- C. Sự biến đổi quan hệ sản xuất.
- D. Sự biến đổi quan hệ sản xuất

Câu 2: Đây là tiêu chí cơ bản để phân biệt các với nhau và là vấn đề luôn được các dân tộc coi trọng giữ gìn?

- A. *Ngôn ngữ*
- B. Chữ viết
- C. Đời sống văn hóa
- D. Phong tục

Câu 3: Hãy sắp xếp các hình thức cộng đồng người sau từ thấp đến cao?

- A. *Thị tộc - Bộ lạc - Bộ tộc - Dân tộc*
- B. Bộ lạc - Bộ tộc - Dân tộc - Thị tộc
- C. Thị tộc - Bộ lạc - Dân tộc - Bộ tộc
- D. Thị tộc - Dân tộc - Bộ lạc - Bộ tộc

Câu 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống?

Dân tộc rộng chỉ ... người ổn định hợp thành nhân dân 1 nước, có lãnh thổ, quốc gia, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất quốc gia của mình, gắn bó với nhau bởi lợi ích chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử.

- A. *Cộng đồng*
- B. Nhóm
- C. Quốc dân
- D. Một số nhỏ các dân tộc

Câu 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống ? Theo Lênin: "Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại."

- A. *Tự quyết*
- B. Tự chủ
- C. Độc lập
- D. Tự do

Câu 6: Việt Nam có bao nhiêu tộc người?

- A. *54*
- B. 2
- C. 35
- D. 20

Câu 7: Theo khái niệm dân tộc hẹp, dân tộc có đặc điểm là:

- A. *Cộng đồng người được hình thành trong lịch sử*
- B. Sự thống nhất về ngôn ngữ, tôn giáo và văn hóa.
- C. Sự phân biệt về địa lý, khí hậu và tài nguyên.
- D. Cộng đồng bền vững và chặt chẽ hơn về kinh tế, ngôn ngữ, lãnh thổ, các đặc điểm về văn hóa và ý thức tự giác tộc người.

Câu 8: Biểu hiện rõ nét của xu hướng các cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập là:

- A. *Phong trào đấu tranh giành độc lập của các dân tộc thuộc địa*
- B. Sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học – công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hoá trong xã hội tư bản
- C. Sự trưởng thành về ý thức dân tộc
- D. Sự độc lập về lựa chọn chế độ kinh tế

Câu 9: Các dân tộc không phân biệt dân tộc lớn hay dân tộc nhỏ phát triển cao hay thấp đều có quyền thiêng liêng là:

- A. *Các dân tộc bình đẳng.*
- B. Các dân tộc độc lập.
- C. Chỉ có dân tộc lớn mới có quyền thiêng liêng, dân tộc nhỏ không có.
- D. Các dân tộc không có quyền thiêng liêng.

Câu 10: Theo Lênin, xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc là xu hướng nào sau đây?

- A. *Xu hướng tách ra và liên minh với của các dân tộc*
- B. Xu hướng tách ra của các dân tộc

- C. Xu hướng hội nhập, đoàn kết giữa các dân tộc.
- D. Xu hướng phát triển đa dạng của các dân tộc.

Câu 11: Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin có mấy nội dung cơ bản?

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 12: Nội dung nào sau đây không thuộc Cương lĩnh dân tộc của Lênin?

- A. *Các dân tộc hoàn toàn tự do*
- B. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng
- C. Các dân tộc được quyền tự quyết
- D. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại

Câu 13: Đầu là tiêu chí quan trọng nhất để phân định một tộc người và có vị trí quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người?

- A. *Yếu tố ý thức tự giác tộc người.*
- B. Yếu tố cơ sở kinh tế tộc người.
- C. Yếu tố phương thức sản xuất.
- D. Yếu tố lãnh thổ.

Câu 14: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh một cách hoang đường và hư ảo khách quan vào đầu óc của con người.”

- a) Thực tiễn.
- b) *Hiện thực.*
- c) Điều kiện.
- d) Cuộc sống.

Câu 15: Vì sao tôn giáo là một phạm trù lịch sử?

- a) Là sản phẩm của con người
- b) Là do điều kiện kinh tế - xã hội sinh ra
- c) *Tôn giáo ra đời, tồn tại và biến đổi trong một giai đoạn lịch sử nhất định của loài người.*
- d) Tôn giáo sẽ tồn tại và phát triển cùng với sự phát triển của lịch sử nhân loại.

Câu 16: Tính chất của tôn giáo là?

- a) *Tính lịch sử, tính quần chúng, tính chính trị.*
- b) Tính kế thừa, tính phát triển, tính chính trị.
- c) Tính chính trị, tính chọn lọc, tính phát triển.
- d) Tính kế thừa, tính quần chúng, tính thực tiễn.

Câu 17: Xuất phát từ lợi ích, những lực lượng xã hội khác nhau lợi dụng tôn giáo để thực hiện mục tiêu chính trị của mình, đó là?

- a) *Tính chính trị của tôn giáo.*
- b) Tính xã hội của tôn giáo.
- c) Tính kinh tế của tôn giáo.
- d) Tính lịch sử của tôn giáo.

Câu 18: Tôn giáo đã trở thành nhu cầu tinh thần, đức tin, lối sống của một bộ phận không nhỏ đã thể hiện rõ?

- a) *Tính quần chúng của tôn giáo.*
- b) Tính phổ biến của tôn giáo.
- c) Tính xã hội của tôn giáo.
- d) Tính rộng rãi của tôn giáo.

Câu 19: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “Tôn giáo và tín ngưỡng....., nhưng có giao thoa nhất định.”

- a) *Không đồng nhất.*
- b) Đồng nhất.
- c) Không liên quan.
- d) Đối lập.

CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Câu 1: Cơ sở, nền tảng hình thành nên các mối quan hệ khác trong gia đình là? (Có 2 đáp án)

a, Quan hệ huyết thống.

b, Quan hệ nuôi dưỡng.

c, Quan hệ quần thể.

d, Quan hệ hôn nhân.

Câu 2: Đây là vị trí của gia đình trong xã hội?

a, Gia đình là tế bào của xã hội.

b, Gia đình là cầu nối giữa gia đình và xã hội.

c, Gia đình là mái nhà mang lại hạnh phúc của mỗi cá nhân trong xã hội.

d, Cả 3 đáp án trên.